TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 23/2017/LĐ-PT
Ngày 12-12-2017
V/v tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhàn.

Các Thẩm phán: Ông Phan Trí Dũng;

Ông Nguyễn Đắc Cường.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Ngô Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 19/2017/TLPT-LĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 05/2017/LĐ-ST ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 19/2017/QĐ-PT ngày ngày 15 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Thanh Tr, sinh năm 1991; trú tại: Số N, khu phố x, phường T, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Thế P, sinh năm 1987, trú tại: Tổ M, ấp T, xã B, thị xã T, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 24/11/2016). Có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Nhựa đầu tư xuất nhập khẩu HL; địa chỉ: Số Z, Lô A, Làng chuyên gia R, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thúy H, sinh năm 1981; trú tại: Ấp M, thị trấn L, huyện C, tỉnh An Giang chức vụ: Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê T, sinh năm 1982; địa chỉ: Số D đường H, phường T, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 10/11/2017). Có mặt.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Nhựa đầu tư xuất nhập khẩu HL.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/3/2015, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/11/2016, bản tự khai và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Phan Thị Thanh Tr và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phạm Thế P trình bày:

Bà Tr được nhận vào làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Nhựa đầu tư xuất nhập khẩu HL (sau đây gọi tắt là Công ty HL) từ ngày 01/4/2014. Sau 01 tháng thử việc, đến ngày 01/5/2014 giữa hai bên ký kết Hợp đồng lao động số 28/2014-HĐLĐ/HL, thời hạn hợp đồng là 01 năm (từ 01/5/2014 đến 30/4/2015), công việc của bà Tr là thủ quỹ, lương cơ bản 2.889.000 đồng. Quá trình làm việc tại Công ty, bà Tr luôn hoàn thành công việc được giao, không xảy ra sai phạm hay vi phạm nội quy gì của Công ty, cũng không bị lập biên bản vi phạm lần nào. Ngày 12/6/2014, ông Lai Chun T gọi bà Tr lại và nói Công ty có sự thay đổi nhân sự nên sẽ sắp xếp lại nhân viên ở một số bộ phận nhưng không nói bộ phận nào, cá nhân nào bị sắp xếp lại nên bà Tr không có ý kiến gì. Ngày 14/6/2014, Công ty giao cho bà Tr "Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động" kể từ ngày 14/6/2014. Quyết định này không thể hiện căn cứ pháp lý và lý do gì Công ty cho bà Tr thôi việc. Bà Tr có gặp ông Lai Chun T hỏi lý do vì sao nhưng vì ông Lai là người Hoa, không rõ tiếng Việt, mặc dù đã thông qua phiên dịch nhưng ông Lai không có ý kiến gì. Cùng ngày 14/6/2014, bà Tr chấp hành quyết định cho thôi việc và bàn giao tài sản đã được Công ty giao khi làm việc lại cho ông Lưu H và nghỉ làm việc tại Công ty từ ngày 14/6/2014. Công ty có trả cho bà Tr tiền lương những ngày đã làm việc là 2.164.000 đồng, ngoài ra Công ty không chi trả khoản tiền nào khác.

Quá trình làm việc tại Công ty, bà Tr được chi trả lương gồm các khoản: Lương căn bản: 2.889.000 đồng; phụ cấp trách nhiệm: 800.000 đồng và phụ cấp khác: 700.000 đồng. Tổng cộng: 4.389.000 đồng. Bà Tr yêu cầu Tòa án căn cứ tiền lương thực lãnh là 4.389.000 đồng làm cơ sở xác định trách nhiệm bồi thường của Công ty HL.

Bà Tr yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

- Yêu cầu Tòa án tuyên Hợp đồng lao động số 28/2014-HĐLĐ/HL vô hiệu do người ký hợp đồng là ông Lai Chun T không phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty HL, ông Lai Chun T không có thẩm quyền ký hợp đồng lao động với bà Tr.

- Công nhận hợp đồng lao động giữa bà Tr và Công ty HL là hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

- Yêu cầu Tòa án buộc Công ty HL phải bồi thường cho bà Tr các khoản tiền sau đây do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật: Tiền lương trong những ngày không được làm việc do Công ty HL đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động là ngày 14/6/2014 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm, thành tiền là: 4.389.000 đồng x 38 tháng 25 ngày = 171.002.192 đồng; Bồi thường 02 tháng tiền lương do Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là: 4.389.000 đồng x 02 tháng = 8.778.000 đồng; Bồi thường thời gian Công ty vi phạm nghĩa vụ báo trước là 45 ngày: 4.389.000 đồng/26 ngày x 45 ngày = 7.596.346 đồng.

Đối với yêu cầu chi trả các khoản tiền bảo hiểm xã hội (gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp): Ngày 12/7/2017, người đại diện hợp pháp của bà Tr đã rút lại yêu cầu này.

Bị đơn Công ty HL đã được tống đạt các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thụ lý yêu cầu khởi kiện bổ sung; thông báo yêu cầu giao nộp chứng cứ; thông báo về việc Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, người đại diện theo hợp pháp của Công ty không chấp hành theo các văn bản trên và giấy triệu tập, vắng mặt không có lý do.

Bản án sơ thẩm số 05/2017/LĐ-ST ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã B đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thanh Tr đối với bị đơn Công ty HL về việc: "Tranh chấp về hợp đồng lao động, đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật".

1.1. Tuyên bố Hợp đồng lao động số: 28/2014-HĐLĐ/HL ngày 01/5/2014 giữa Công ty HL và bà Phan Thị Thanh Tr vô hiệu.

1.2. Buộc Công ty HL phải bồi thường cho bà Phan Thị Thanh Tr các khoản sau: Tiền lương trong những ngày không được làm việc từ ngày 14/6/2014 cho đến ngày 30/4/2015: 46.084.500 đồng; Bồi thường 02 tháng tiền lương: 8.778.000 đồng; Bồi thường do vi phạm thời gian báo trước: 5.064.231 đồng; Tổng cộng: 59.926.731 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thanh Tr đối với bị đơn Công ty HL về việc xác định hợp đồng lao động giữa bà Phan Thị Thanh Tr và Công ty HL là hợp đồng không xác định thời hạn.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị Thanh Tr đối với bị đơn Công ty HL về việc buộc Công ty HL bồi thường các khoản bảo hiểm xã hội.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, trách nhiệm chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Quá trình Tòa án nhân dân thành phố BH, tỉnh Đồng Nai giải quyết vụ án, bị đơn chỉ nhận được quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án mà không nhận được giấy tờ gì khác. Ngày 22/9/2017, bị đơn mới nhận được bản án sơ thẩm của TAND thị xã B. Ngoài ra, Tòa án căn cứ mức lương 4.389.000 đồng/ tháng để giải quyết cho nguyên đơn là không đúng pháp luật vì mức lương thực tế của bà Tr chỉ có 2.889.000 đồng. Bị đơn đề nghị hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm có thẩm quyền giải quyết lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm có thẩm quyền xét xử lại vì đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do vụ án đang được giải quyết tại Tòa án nhân dân thành phố BH.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ khi tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ giải quyết đối với phần nguyên đơn xin rút yêu cầu là phù hợp pháp luật. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 08/9/2017, Tòa án nhân dân thị xã B xét xử vụ án và ban hành Bản án lao động sơ thẩm số 05/2017/LĐ-ST. Ngày 18/9/2017 Tòa án niêm yết bản án sơ thẩm cho bị đơn. Ngày 29/9/2017, bị đơn có đơn kháng cáo bản án. Theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn về việc thủ tục tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm:

Ngày 31/3/2015 bà Tr có đơn khởi kiện. Vụ án được TAND thành phố BH thụ lý vào ngày 14/4/2015. Quá trình giải quyết vụ án, đại diện bị đơn cho rằng vụ án thuộc thẩm quyền của TAND thị xã B nên đề nghị TAND thành phố BH

bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chuyển hồ sơ vụ án cho TAND thị xã B giải quyết. Bà Tr giữ nguyên yêu cầu TAND thành phố BH giải quyết. Ngày 28/9/2015, TAND thành phố BH có Quyết định số 02/2015/QĐST-LĐ chuyển hồ sơ đến TAND thị xã B giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 14/10/2015, TAND thị xã B thụ lý vụ án. Ngày 21/10/2015 TAND thị xã B có Quyết định số 01/2015/QĐST-LĐ chuyển hồ sơ vụ án cho TAND thành phố BH theo yêu cầu chuyển hồ sơ vụ án của đại diện nguyên đơn.

Ngày 23/11/2015, TAND thành phố BH thụ lý vụ án đến ngày 24/02/2016 ban hành Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án chờ kết quả ủy thác tư pháp của TAND thị xã B. Ngày 30/9/2016, TAND thành phố BH ban hành Quyết định số 01/2016/QĐST-LĐ chuyển hồ sơ vụ án đến TAND thị xã B giải quyết theo yêu cầu chuyển vụ án của nguyên đơn.

Ngày 18/10/2016, TAND thị xã B thụ lý vụ án và đến ngày 08/9/2017 giải quyết vụ án tại Bản án sơ thẩm số 05/2017/LĐ-ST. Hồ sơ vụ án thể hiện Tòa án nhân dân thị xã B đã tống đạt hợp lệ các văn bản thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo hòa giải, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, quyết định xét xử, bản án sơ thẩm...cho bị đơn.

Tại cấp phúc thẩm, đại diện bị đơn cho rằng: Bị đơn không đồng ý đối với bản án sơ thẩm vì bị đơn chỉ nhận được quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án của TAND thành phố BH mà không được tống đạt quyết định chuyển vụ án của TAND thành phố BH cho TAND thị xã B. Bị đơn có nhận được giấy triệu tập đến làm việc và các văn bản tố tụng của TAND thị xã B nhưng không đến Tòa án làm việc do vụ án đang được giải quyết tại Tòa án nhân dân thành phố BH, không đồng ý việc Tòa án nhân dân thị xã B thụ lý vụ án. Do đó, bị đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm thực hiện lại quy trình tố tụng, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm có thẩm quyền giải quyết lại để bị đơn được thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình đối với vụ án này.

Xét thấy, vụ án được chuyển qua lại giữa TAND thành phố BH và TAND thị xã B nhiều lần do nguyên đơn thay đổi quyền lựa chọn Tòa án giải quyết vụ án phù hợp quy định tại Điều 36 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004. Quá trình giải quyết vụ án, TAND thị xã B đã thực hiện đầy đủ thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn tham gia bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn. Bị đơn nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và biết rõ TAND thị xã B triệu tập để giải quyết vụ án do bà Tr khởi kiện nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Đến ngày 29/9/2017, bị đơn mới kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm và yêu cầu hủy bản án chuyển hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện lại thủ tục tố tụng là không phù hợp quy định pháp luật.

Bị đơn cho rằng do TAND thành phố BH đang giải quyết vụ án nên khi nhận được giấy triệu tập của TAND thị xã B, bị đơn không đến Tòa làm việc. Xét thấy, trường hợp phát hiện có hai nơi giải quyết cùng một vụ án, bị đơn đã không thực hiện quyền khiếu nại đến người có thẩm quyền của TAND thành phố

BH cũng như TAND thị xã B, TAND tỉnh Bình Dương để được xem xét giải quyết mà tự ý không đến TAND thị xã B làm việc là vi phạm nghĩa vụ của đương sự được quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, kháng cáo của bị đơn yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cho Tòa án cấp có thẩm quyền giải quyết lại vụ án là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc xem xét lại mức lương để làm cơ sở giải quyết vụ án:

Tại biên bản làm việc ngày 10/11/2017 đại diện bị đơn thừa nhận: Về nội dung, Công ty thừa nhận có quan hệ lao động với bà Tr và đã chấm dứt hợp đồng lao động không đúng quy định của pháp luật đối với bà Tr. Tuy nhiên, Công ty đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại về mức lương để giải quyết chế độ. Thực tế lương cơ bản theo hợp đồng là 2.889.000 đồng. Còn các khoản phụ cấp thì chỉ khi người lao động đi làm đầy đủ, hoàn thành tốt công việc của mình thì mới nhận được các khoản trợ cấp nêu trên. Vấn đề này được quy định tại thỏa ước lao động của Công ty, trong thỏa ước không ghi cụ thể là bao nhiêu tiền, chỉ ghi chung là được nhận một khoản tiền trợ cấp nếu hoàn thành tốt nhiệm vụ và sẽ cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày 10/11/2017 nhưng đến nay đại diện bị đơn vẫn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho trình bày nêu trên.

Xét hợp đồng lao động ngày 01/5/2014 xác định mức lương của bà Tr là 2.889.000 đồng/tháng; phụ cấp bao gồm: Nhà ở, đi lại, khó khăn ban đầu (bút lục 09). Phiếu chi lương tháng 5 và tháng 6 năm 2014 bà Tr cung cấp xác định mức lương cơ bản là 2.889.000 đồng, phụ cấp trách nhiệm 800.000 đồng, phụ cấp khác 700.000 đồng. Đại diện bị đơn cho rằng, các khoản phụ cấp chỉ được nhận khi người lao động đi làm đầy đủ, hoàn thành tốt công việc của mình được quy định tại thỏa ước lao động của Công ty tuy nhiên, bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

Xét thấy, bà Tr bị mất việc làm là do công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên không có cơ sở để đánh giá bà Tr có làm việc tốt hay không trong thời gian bị mất việc làm để xác định có được hưởng hay không được hưởng phụ cấp như công ty trình bày. Mặt khác, tại Điều 90 Bộ luật Lao động về tiền lương quy định "*tiền lương bao gồm mức lương theo công việc, chức danh, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác*". Ngoài ra, tháng 6 năm 2014 bà Tr chỉ đi làm 12 ngày (đến ngày 14/6/2014 bị công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động) nhưng vẫn được công ty thanh toán lương tổng cộng 2.164.000 đồng (trong đó mức lương cơ bản là 2.889.000 đồng, phụ cấp trách nhiệm 800.000 đồng, phụ cấp khác 700.000 đồng). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định mức lương của bà Tr là 4.389.000 đồng bao gồm mức lương chính 2.889.000 đồng và 1.500.000 đồng tiền phụ cấp là phù hợp pháp luật.

Từ những phân tích trên, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty HL; Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Án phí sơ thẩm, phúc thẩm bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Nhựa đầu tư xuất nhập khẩu HL. Giữ nguyên phần quyết định của Bản án sơ thẩm số 05/2017/LĐ-ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Áp dụng:

- Điều 22; khoản 1 Điều 29; khoản 1, 2 Điều 38; Điều 41; khoản 1, 5 Điều 42; điểm b khoản 1 Điều 50; khoản 1 Điều 51; điểm b khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Lao động;

- Khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Khoản 1 Điều 29, khoản 2 Điều 47 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thanh Tr đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Nhựa đầu tư xuất nhập khẩu HL về việc: "Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động".

1.1. Tuyên bố Hợp đồng lao động số: 28/2014-HĐLĐ/HL ngày 01/5/2014 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Nhựa đầu tư xuất nhập khẩu HL và bà Phan Thị Thanh Tr vô hiệu.

1.2. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Nhựa đầu tư xuất nhập khẩu HL phải bồi thường cho bà Phan Thị Thanh Tr 59.926.731 đồng, trong đó: Tiền lương trong những ngày không được làm việc từ ngày 14/6/2014 đến ngày 30/4/2015: 46.084.500 đồng; 02 tháng tiền lương 8.778.000 đồng; vi phạm thời gian báo trước 5.064.231 đồng;

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thanh Tr đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Nhựa đầu tư xuất nhập khẩu HL về việc xác định hợp đồng lao động giữa bà Phan Thị Thanh Tr và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Nhựa đầu tư xuất nhập khẩu HL là hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thanh Tr đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Nhựa đầu tư xuất nhập khẩu HL về việc buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Nhựa đầu tư xuất nhập khẩu HL bồi thường các khoản bảo hiểm xã hội.

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Nhựa đầu tư xuất nhập khẩu HL phải chịu 1.797.000 đồng.

- Án phí phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Nhựa đầu tư xuất nhập khẩu HL phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017068 ngày 13/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không thi hành án, thì hàng tháng còn chịu tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều: 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, Tòa LĐ, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhàn